

ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH BẮC GIANG

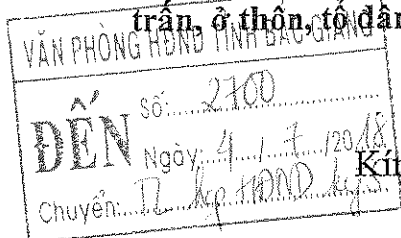
Số: 115 / TT-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bắc Giang, ngày 29 tháng 6 năm 2018

## TỜ TRÌNH

Về việc ban hành Nghị quyết quy định chức danh, số lượng, một số chế độ chính sách đối với những người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn, ở thôn, tổ dân phố và các chức danh khác hoạt động ở thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Bắc Giang



Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Giang

Thực hiện Nghị quyết Trung ương 6 (khóa XII), Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015, Kế hoạch số 47-KH/TU ngày 30/5/2018 của Tỉnh ủy Bắc Giang về thực hiện Nghị quyết Trung ương 6 (khóa XII), UBND tỉnh trình HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết quy định chức danh, số lượng, một số chế độ, chính sách đối với những người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn, ở thôn, tổ dân phố và một số chức danh khác hoạt động ở thôn, tổ dân phố, cụ thể:

### I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ QUYẾT CỦA HĐND TỈNH

#### 1. Cơ sở pháp lý:

- Nghị quyết Trung ương 6 (khóa XII), Kế hoạch số 47-KH/TU ngày 30/5/2018 của Tỉnh ủy Bắc Giang về thực hiện Nghị quyết Trung ương 6 (khóa XII), Thông báo số 10/TB-HĐND ngày 30/5/2018 của Thường trực HĐND về thông báo kết quả phiên họp Thường trực HĐND tỉnh tháng 5/2018.

- Nghị định số 92/2009/NĐ-CP ngày 22/10/2009 của Chính phủ về việc quy định số lượng chức danh, một số chế độ đối với cán bộ, công chức xã, phường, thị trấn và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã; Nghị định số 29/2013/NĐ-CP ngày 08/4/2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 92/2009/NĐ-CP và các văn bản quy phạm pháp luật khác (nêu cụ thể tại dự thảo Nghị quyết)

#### 2. Cơ sở thực tiễn:

Hiện nay có 05 Nghị quyết của HĐND tỉnh quy định về chức danh, số lượng người hoạt động không chuyên trách đang hưởng phụ cấp hoặc thù lao ở cấp xã, thôn, tổ dân phố. Quá trình thực hiện các Nghị quyết nêu trên đã phát sinh những bất cập như số lượng người đông nhưng hiệu quả hoạt động không cao, phụ cấp, thù lao cho mỗi chức danh thấp và chưa sát yêu cầu công việc.

Xuất phát từ yêu cầu thực tiễn và kiến nghị của cử tri với Hội đồng nhân dân tỉnh, ý kiến đề xuất của các địa phương việc ban hành Nghị quyết quy định chức danh, số lượng, một số chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã và ở thôn, tổ dân phố là cần thiết.

## II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM CHỈ ĐẠO

### 1. Mục đích

Nhằm khắc phục những bất cập tồn tại trong quá trình thực hiện Nghị quyết số 40/2010/NQ-HĐND, Nghị quyết số 20/2009/NQ-HĐND, Nghị quyết số 24/2012/NQ-HĐND, Nghị quyết số 23/2012/NQ-HĐND, Nghị quyết số 31/2013/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh; xây dựng đội ngũ những người hoạt động không chuyên trách phù hợp với đặc điểm, tình hình thực tiễn của tỉnh Bắc Giang; sắp xếp tinh gọn lại các chức danh; nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động và mức phụ cấp, thù lao hàng tháng cho đội ngũ những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố và các chức danh khác ở thôn, tổ dân phố, góp phần xây dựng, củng cố hệ thống chính trị ở cơ sở, từng bước đào tạo, bồi dưỡng lực lượng người hoạt động không chuyên trách tại cơ sở là nguồn bổ sung nhân lực cho đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã.

Xây dựng Nghị quyết quy định chức danh, số lượng, một số chế độ, chính sách cho người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã và ở thôn, tổ dân phố còn nhằm động viên, khuyến khích những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã và ở thôn, tổ dân phố nhiệt tình gắn bó với công việc, tạo động lực để họ yên tâm công tác.

### 2. Quan điểm chỉ đạo

Quy định cụ thể thống nhất chức danh, số lượng, phụ cấp cho người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã và ở thôn, tổ dân phố trong một văn bản để thuận tiện quản lý, sử dụng vì hiện nay người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã và ở thôn, tổ dân phố được quy định ở nhiều văn bản quy phạm khác nhau;

Thực hiện sắp xếp lại cơ cấu tổ chức và nâng cao hiệu quả hoạt động, chế độ phụ cấp cho người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã và ở thôn, tổ dân phố theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 6, khóa XII của Ban Chấp hành Trung ương đảng.

## III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

UBND tỉnh đã chỉ đạo các cơ quan, đơn vị liên quan tham mưu xây dựng dự thảo Nghị quyết và thực hiện các quy trình theo quy định của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015.

Phiên họp UBND tỉnh tháng 6/2018 thảo luận thông qua; Hội nghị Ban Thường vụ Tỉnh ủy tháng 6/2018 cũng đã xem xét, cho ý kiến đối với dự thảo Nghị quyết.

## IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

### 1. Bố cục

Dự thảo Nghị quyết gồm 08 điều, thể thức và nội dung văn bản đảm bảo tính hợp hiến, tính hợp pháp và tính thống nhất với hệ thống pháp luật và phù hợp với các quy định hiện hành; bố cục văn bản theo mẫu quy định.

## 2. Nội dung cơ bản của dự thảo Nghị quyết

### 2.1. Đối tượng và phạm vi điều chỉnh

Quy định chức danh, số lượng, một số chế độ chính sách đối với những người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn, ở thôn, tổ dân phố và các chức danh khác hoạt động ở thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.

2.2. Chức danh, số lượng, mức phụ cấp những người hoạt động không chuyên trách xã, phường, thị trấn:

a) Chức danh: Mỗi đơn vị cấp xã không quá 17 chức danh;

b) Số lượng: Mỗi đơn vị cấp xã loại I, II bố trí không quá 09 người hoạt động không chuyên trách; mỗi đơn vị cấp xã loại III bố trí không quá 06 người hoạt động không chuyên trách.

c) Mức phụ cấp hằng tháng các chức danh: Đối với đơn vị cấp xã loại I, II bằng 18,6 tháng lương cơ sở; đơn vị cấp xã loại III bằng 15,03 tháng lương cơ sở (bao gồm cả kinh phí đóng Bảo hiểm xã hội và Bảo hiểm y tế).

d) Mức phụ cấp mỗi chức danh:

- Hưởng hệ số 1,0 mức lương cơ sở, gồm các chức danh: Phó Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc; Chủ tịch Hội Người cao tuổi; Trưởng ban Thanh tra nhân dân; Phó trưởng Công an đối với xã, thị trấn (Trưởng ban Bảo vệ dân phố đối với phường); Chỉ huy phó Ban chỉ huy Quân sự; Đài truyền thanh; Quản lý văn hóa, thông tin, thể thao; Chủ tịch Hội chữ thập đỏ; Văn phòng Đảng ủy.

- Hưởng hệ số 0,8 mức lương cơ sở, gồm các chức danh: Thủ quỹ, văn thư, lưu trữ; Phó Chủ tịch Hội Cựu chiến binh; Phó Chủ tịch Hội Nông dân (chỉ bố trí ở đơn vị có tổ chức Hội Nông dân); Phó Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ; Phó Bí thư Đoàn TNCS Hồ Chí Minh; Phó Ban Tổ chức Đảng ủy; Phó Chủ nhiệm Ủy ban kiểm tra Đảng ủy; Công an viên đối với xã, thị trấn (Phó ban Bảo vệ dân phố đối với phường).

2.3. Chức danh, số lượng, mức phụ cấp những người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố

a) Chức danh: Mỗi thôn, tổ dân phố có 06 chức danh;

b) Số lượng: Mỗi thôn, tổ dân phố bố trí không quá 03 người hoạt động không chuyên trách.

c) Mức phụ cấp hằng tháng các chức danh: Thôn, tổ dân phố loại I bằng 6,21 tháng lương cơ sở; thôn, tổ dân phố loại II, III bằng 5,68 tháng lương cơ sở (bao gồm cả kinh phí đóng Bảo hiểm y tế đối với chức danh hoạt động không chuyên trách và thù lao trưởng đoàn thể).

d) Mức phụ cấp mỗi chức danh:

- Hưởng hệ số 1,0 mức lương cơ sở gồm các chức danh: Bí thư chi bộ; Trưởng thôn ở thôn, tổ dân phố loại I.

- Hưởng hệ số 0,8 mức lương cơ sở gồm các chức danh: Bí thư chi bộ; Trưởng thôn ở thôn, tổ dân phố loại II, loại III; Công an viên; Bảo vệ dân phố.

- Hưởng hệ số 0,6 mức lương cơ sở gồm các chức danh: Phó thôn; Tổ phó tổ dân phố; Thôn đội trưởng; Tổ đội trưởng.

- Hưởng hệ số 0,5 mức lương cơ sở chức danh: Nhân viên y tế.

2.4. Chức danh, mức thù lao đối với Trưởng Ban công tác Mặt trận, Trưởng các đoàn thể và Cộng tác viên dân số-kế hoạch hóa gia đình ở thôn, tổ dân phố

a) Chức danh: 07 chức danh;

b) Mức thù lao mỗi chức danh:

- Trưởng Ban công tác Mặt trận và Chi hội trưởng đoàn thể ở thôn, tổ dân phố loại I hưởng hệ số 0,23 mức lương cơ sở; ở thôn, tổ dân phố loại II, loại III hưởng hệ số 0,21 mức lương cơ sở.

- Cộng tác viên dân số-kế hoạch hóa gia đình hưởng hệ số 0,15 mức lương cơ sở

2.5. Mức phụ cấp kiêm nhiệm chức danh

- Cán bộ chuyên trách, công chức cấp xã đảm nhiệm thêm không quá 01 chức danh không chuyên trách và được hưởng 50% phụ cấp của chức danh đảm nhiệm.

- Người hoạt động không chuyên trách cấp xã đảm nhiệm thêm nhiệm vụ của 01 chức danh không chuyên trách khác thì được hưởng 100% phụ cấp của chức danh đảm nhiệm; nếu đảm nhiệm thêm nhiệm vụ của chức danh không chuyên trách khác nữa thì được hưởng thêm 50% phụ cấp của chức danh đảm nhiệm (một người hoạt động không chuyên trách được đảm nhiệm tối đa 03 chức danh).

- Những người hoạt động không chuyên trách, Trưởng Ban công tác Mặt trận, trưởng đoàn thể ở thôn, tổ dân phố được kiêm nhiệm thêm không quá 02 chức danh khác, được hưởng 100% phụ cấp, thù lao của chức danh kiêm nhiệm.

UBND tỉnh trình HĐND tỉnh xem xét, quyết nghị./.

(Kèm 03 biểu và dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh)/.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh;
- LĐVP, TH;
- Lưu: VT, NC.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

CHỦ TỊCH

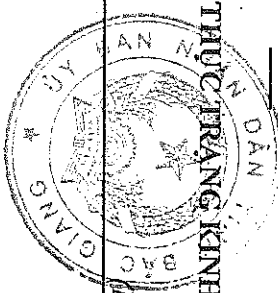
Nguyễn Văn Linh

ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH BẮC GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Biểu 1



**THỰC TRẠNG KINH PHÍ CHI TRẢ NHỮNG NGƯỜI HOẠT ĐỘNG KHÔNG CHUYÊN TRÁCH CẤP XÃ, THÔN, TÓ DÂN PHỐ VÀ CÁC CHỨC DANH KHÁC Ở THÔN, TÓ DÂN PHỐ**

Kèm theo Tờ trình số 415 /TT-UBND ngày 29/6/2018 của UBND (thư)

Đơn vị tính: 1000đ

TT	Chức danh	Hệ số	Phụ cấp/ người/ tháng	Số hưởng người (230 xã)	Tổng phụ cấp/ tháng	Tổng phụ cấp 12 tháng	Ghi chú
----	-----------	-------	-----------------------	-------------------------	---------------------	-----------------------	---------

A. THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT SỐ 40/2010/NQ-HBND

**Ở xã, phường, thị trấn**

1	Phó Chủ tịch UBNDTTQ phụ trách Trưởng ban Thanh tra nhân dân;	1	1.300	230	299.000	3.588.000	
2	Phó Chủ tịch UBNDTTQ phụ trách Chủ tịch Hội Người cao tuổi;	1	1.300	230	299.000	3.588.000	
3	Chủ tịch Hội Chữ thập đỏ;	1	1.300	230	299.000	3.588.000	
4	Chi huy phó Quân sự;	1	1.300	230	299.000	3.588.000	
5	Phó Trưởng Công an (Trưởng Ban bảo vệ)	1	1.300	259	336.700	4.040.400	
6	Văn phòng Đảng ủy;	1	1.300	230	299.000	3.588.000	
7	Thông tin- đài truyền thanh, quản lý nhà văn hoá, thư viện, thể thao;	1	1.300	230	299.000	3.588.000	
8	Thủ quỹ - văn thư - lưu trữ;	0,8	1.040	230	239.200	2.870.400	
9	Giáo thông - xây dựng - đô thị - môi trường;	0,8	1.040	230	239.200	2.870.400	
10	Thi đua - khen thưởng, dân tộc - tôn giáo;	0,8	1.040	230	239.200	2.870.400	
11	Công thương- địa chính - nông nghiệp, hợp tác xã;	0,8	1.040	230	239.200	2.870.400	
12	Phó Trưởng Ban Tổ chức Đảng uỷ;	0,8	1.040	230	239.200	2.870.400	
13	Phó Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Đảng uỷ;	0,8	1.040	230	239.200	2.870.400	
14	Phó Trưởng Ban Tuyên giáo Đảng uỷ;	0,8	1.040	230	239.200	2.870.400	
15	Phó Bí thư Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh;	0,8	1.040	230	239.200	2.870.400	
16	Phó Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ;	0,8	1.040	230	239.200	2.870.400	
17	Phó Chủ tịch Hội Nông dân;	0,8	1.040	226	235.040	2.820.480	
18	Phó Chủ tịch Hội Cựu chiến binh;	0,8	1.040	230	239.200	2.870.400	
19	Phó Chủ tịch Hội Người cao tuổi;	0,6	780	230	179.400	2.152.800	

TT	Chức danh	Hệ số	Phụ cấp/ người/ tháng	Số lượng người (230 xã)	Tổng phụ cấp/ tháng	Tổng phụ cấp 12 tháng	Ghi chú
20	Công an viên thường trực (Phó trưởng Ban bảo vệ)	0,8	1.040	220	228.800	2.745.600	
	<b>Cộng</b>			<b>4.615</b>	<b>5.165.940</b>	<b>61.991.280</b>	
	<b>BHXH (17,5%)</b>					<b>10.848.474</b>	
	<b>BHYT 3%</b>					<b>1.859.738</b>	
	<b>Tổng cộng</b>					<b>74.699.492</b>	
<b>II</b>	<b>Ở thôn, tổ dân phố</b>						
21	Bí thư chi bộ thôn, tổ dân phố loại I;	1	1.300	786	1.021.800	12.261.600	
	Bí thư chi bộ thôn, tổ dân phố loại II;	0,8	1.040	1.235	1.284.400	15.412.800	
	Bí thư chi bộ thôn, tổ dân phố loại III;	0,8	1.040	458	476.320	5.715.840	
22	Trưởng thôn, tổ dân phố loại I;	1	1.300	786	1.021.800	12.261.600	
	Trưởng thôn, tổ dân phố loại II;	0,8	1.040	1.235	1.284.400	15.412.800	
	Trưởng thôn, tổ dân phố loại III;	0,8	1.040	458	476.320	5.715.840	
23	Phó thôn, Tổ phó tổ dân phố.	0,6	780	3.265	2.546.700	30.560.400	
24	Công an viên ở thôn, tổ dân phố thuộc xã, thị trấn	0,8	1.040	3.173	3.299.920	39.599.040	
25	Thôn, tổ đội trưởng	0,6	780	2.479	1.933.620	23.203.440	
	<b>Cộng</b>			<b>13.875</b>	<b>13.345.280</b>	<b>160.143.360</b>	
	<b>BHYT 3%</b>					<b>4.804.301</b>	
	<b>Tổng cộng thôn</b>					<b>164.947.661</b>	
<b>B. NHÂN VIÊN Y TẾ THÔN, TỔ DÂN PHỐ</b>							
26	Nhân viên y tế thôn, TDP						
	Thôn của xã, tt thuộc vùng khó khăn	0,5	650	939	610.350	7.324.200	
	Thôn của xã, tt còn lại	0,3	390	1.354	528.060	6.336.720	
	Tổ dân phố		50	186	9.300	111.600	
	<b>Cộng y tế</b>			<b>2.479</b>	<b>1.147.710</b>	<b>13.772.520</b>	
	<b>BHYT 3%</b>					<b>413.176</b>	
	<b>Tổng cộng y tế</b>					<b>14.185.696</b>	
<b>C. BẢO VỆ DÂN PHỐ Ở PHƯỜNG THUỘC TP BẮC GIANG</b>							

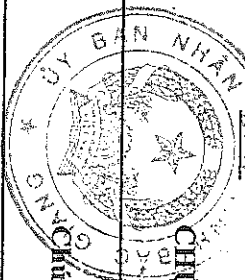
TT	Chức danh	Hệ số	Phụ cấp/ người/ tháng	Số lượng người (230 xã)	Tổng phụ cấp/ tháng	Tổng phụ cấp 12 tháng	Ghi chú
27	Bảo vệ dân phố						
	Trưởng Ban BVDP	0,7	910	10	9.100	109.200	
	Phó trưởng ban BVDP	0,6	780	20	15.600	187.200	
	Tổ trưởng Tổ BVDP	0,5	650	93	60.450	725.400	
	Tổ phó Tổ BVDP	0,4	520	335	174.200	2.090.400	
	Tổ viên tổ BVDP	0,3	390	335	130.650	1.567.800	
	<b>Công</b>			793		4.680.000	
	<b>BHYT 3%</b>					140.400	
	<b>Tổng cộng Bảo vệ dân phố</b>					4.820.400	
<b>D. TRƯỞNG ĐOÀN THE THÔN, TDP</b>							
28	Trưởng Ban MTTQ thôn loại I	180		786	141.480	1.697.760	
	thôn loại II, III	160		1.693	270.880	3.250.560	
29	Chi hội trưởng nông dân thôn loại I	180		786	141.480	1.697.760	
	thôn loại II, III	160		1.693	270.880	3.250.560	
30	Chi hội trưởng phụ nữ thôn loại I	180		786	141.480	1.697.760	
	thôn loại II, III	160		1.693	270.880	3.250.560	
31	Bí thư chi đoàn thôn loại I	180		786	141.480	1.697.760	
	thôn loại II, III	160		1.693	270.880	3.250.560	
32	Chi hội trưởng CCB thôn loại I	180		786	141.480	1.697.760	
	thôn loại II, III	160		1.693	270.880	3.250.560	
33	Chi hội trưởng chi hội người cao tuổi thôn loại I	180		1.693	304.740	3.656.880	

TT	Chức danh	Hệ số	Phụ cấp/ người/ tháng	Số lượng người (230 xã)	Tổng phụ cấp/ tháng	Tổng phụ cấp 12 tháng	Ghi chú
	thôn loại II, III	160		786	125.760	1.509.120	
	<b>Cộng</b>					<b>29.907.600</b>	
<b>E</b>	<b>CHỨC DANH KHÁC</b>						
34	Nhân viên thú y thôn loại I	180		786	141.480	1.697.760	
	thôn loại II, III	160		1.693	270.880	3.250.560	
35	Cộng tác viên khuyến nông thôn loại I	180		786	141.480	1.697.760	
	thôn loại II, III	160		1.693	270.880	3.250.560	
36	Cộng tác viên dân số-KHHGD	100		2.479	247.900	2.974.800	
	<b>Cộng</b>					<b>12.871.440</b>	
	<b>Cộng chi chức danh không chuyên trách cấp xã</b>					<b>74.699.492</b>	
	<b>Cộng chi các chức danh ở thôn, tổ dân phố</b>					<b>226.732.796</b>	
	<b>Tổng cộng</b>					<b>301.432.289</b>	



**CHỨC DANH, MỨC PHỤ CẤP NHỮNG NGƯỜI HOẠT ĐỘNG KHÔNG CHUYÊN CHUYÊN TRÁCH CẤP XÃ**

(Kèm theo Tờ trình số 4/TTT-UBND ngày 29/16/2018 của UBND tỉnh)



TT	Chức danh hiện tại	Hệ số hiện hưởng	TT	Chức danh theo dự thảo Nghị quyết mới	Hệ số theo dự thảo NQ	Chỉ chú
1	Văn phòng Đảng ủy;	1,0	1	Văn phòng Đảng ủy;	1,0	
2	Phó trưởng Ban Tổ chức Đảng ủy;	0,8	2	Phó Ban Tổ chức Đảng ủy;	0,8	
3	Phó Chủ nhiệm UBKT Đảng ủy	0,8	3	Phó Chủ nhiệm UBKT Đảng ủy;	0,8	
4	Phó Chủ tịch Ủy ban MTTQ-Trưởng ban Thanh tra nhân dân;	1,0	4	Trưởng ban Thanh tra nhân dân;	1,0	
5	Chủ tịch Hội Người cao tuổi-Phó Chủ tịch Ủy ban MTTQ;	1,0	5	Chủ tịch Hội người cao tuổi;	1,0	
6	Phó Bí thư Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh;	0,8	6	Phó Bí thư Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh;	0,8	
7	Phó Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ;	0,8	7	Phó Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ;	0,8	
8	Phó Chủ tịch Hội Nông dân;	0,8	8	Phó Chủ tịch Hội Nông dân;	0,8	
9	Phó Chủ tịch Hội Cựu chiến binh;	0,8	9	Phó Chủ tịch Hội Cựu chiến binh;	0,8	
10	Phó Chủ tịch Hội Người cao tuổi;	0,6		(Giảm)		
11	Chủ tịch Hội Chữ thập đỏ;	1,0	10	Chủ tịch Hội Chữ thập đỏ;	1,0	
12	Chỉ huy phó Ban chỉ huy Quân sự;	1,0	11	Chỉ huy phó Ban chỉ huy Quân sự;	1,0	
13	Đại Truyền thanh - Quản lý nhà văn hóa - Thông tin - Thể thao;	1,0	12	Đại Truyền thanh;	1,0	
14	Thủ quỹ - văn thư - lưu trữ;	0,8	13	Thủ quỹ, văn thư, lưu trữ;	0,8	
15	Phó Trưởng Công an (Trưởng Ban bảo vệ dân phố thuộc phường)	1,0	14	Phó Trưởng Công an (Trưởng Ban bảo vệ dân phố thuộc phường);	1,0	
16	Công an viên thường trực (Phó trưởng Ban bảo vệ dân phố)	0,8	15	Công an viên (Phó trưởng Ban bảo vệ dân phố thuộc phường)	0,8	
17	Công thương-địa chính-nông nghiệp-hợp tác xã	0,8		(Giảm)		
18	Phó trưởng Ban Tuyên giáo Đảng ủy	1,0		(Giảm)		
19	Thi đua-khen thưởng, dân tộc-tôn giáo	0,8		(Giảm)		
20	Phó trưởng Công an ( thêm ở xã loại 1)	1,0		(Giảm)		
21	Giao thông-xây dựng-đô thị-môi trường	0,8		(Giảm)		
<b>Cộng</b>		<b>18,40</b>	<b>16</b>	Phó Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc;	<b>1,0</b>	

TT	Chức danh hiện tại	Hệ số hiện hưởng	TT	Chức danh theo dự thảo Nghị quyết mới	Hệ số theo dự thảo NQ	Ghi chú
	BHXXH 17,5%	3,2	17	Quản lý văn hóa, thông tin, thể thao;	1,0	
	BHYT 3%	0,6		Cộng	15,4	
	Tổng cộng mức chi /tháng/ xã loại II, III	21,0		BHXXH 17,5%	2,7	
	Tổng cộng mức chi /tháng/ xã loại I	22,2		BHYT 3%	0,5	
				Mức khoán xã loại II, II (201 xã)	18,6	
				Mức khoán xã loại III (29 xã)	15,03	
	Kinh phí theo dự thảo NQ mới (ĐVT. nghìn đồng)			65.121.732		

ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH BẮC GIANG

Biểu 3



**NHỮNG NGƯỜI HOẠT ĐỘNG KHÔNG CHUYÊN NGHIỆP TRÁCH VÀ CÁC CHỨC DANH KHÁC Ở THÔN, TÒ DÂN PHỐ**

(Kèm theo Tờ trình số 415/TTTr-UBND ngày 29/6/2018 của UBND tỉnh)

TT	Chức danh không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố	Hiện hưởng hệ số phụ cấp			Ghi chú
		Thôn, TDP loại 1	Thôn, TDP loại 2,3	Hệ số phụ cấp theo dự thảo NQ	
1	Bí thư chi bộ thôn, tổ dân phố	1,0	0,8	1,0	0,8
2	Trưởng thôn, tổ dân phố	1,0	0,8	1,0	0,8
3	Phó thôn, Tổ phó TDP (loại 1 có 4 x 0,6)	2,4	0,6	0,6	0,6
4	Thôn đội trưởng, tổ đội trưởng	0,6	0,6	0,6	0,6
5	Công an viên (Bảo vệ dân phố) ở thôn, TDP thuộc xã, thị trấn (loại 1 có 2)	1,6	0,8	0,8	0,8
6	Nhân viên y tế thôn	0,5	0,5	0,5	0,5
	<b>Cộng</b>	<b>7,10</b>	<b>4,10</b>	<b>4,5</b>	<b>4,1</b>
XI. Trưởng đoàn thể ở thôn, tổ dân phố					
7	Trưởng Ban công tác Mặt trận	0,14	0,125	0,23	0,21
8	Chi hội trưởng Chi hội Nông dân	0,14	0,125	0,23	0,21
9	Chi hội trưởng Chi hội Phụ nữ	0,14	0,125	0,23	0,21
10	Bí thư chi đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh	0,14	0,125	0,23	0,21
11	Chi hội trưởng Chi hội Cựu chiến binh	0,14	0,125	0,23	0,21
12	Chi hội trưởng Chi hội người cao tuổi	0,14	0,125	0,23	0,21
	<b>Cộng</b>	<b>0,84</b>	<b>0,75</b>	<b>1,38</b>	<b>1,26</b>
13	Cộng tác viên dân số (đo nhân viên Y tế kiêm nhiệm)	0,1	0,1	0,15	0,15
	<b>Cộng hệ số</b>	<b>8,04</b>	<b>4,95</b>	<b>6,03</b>	<b>5,51</b>
	<b>3% BHYT</b>	<b>0,24</b>	<b>0,15</b>	<b>0,18</b>	<b>0,17</b>
	<b>Tổng cộng hệ số</b>	<b>8,28</b>	<b>5,10</b>	<b>6,21</b>	<b>5,68</b>
	<b>Kinh phí theo dự thảo NQ mới (BVT. nghìn đồng)</b>			<b>226.157.880</b>	





**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*Bắc Giang, ngày ... tháng 7 năm 2018*

**NGHỊ QUYẾT**

**Quy định chức danh, số lượng, một số chế độ, chính sách đối với những người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn và ở thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Bắc Giang**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG**  
**KHOÁ XVIII, KỲ HỌP THỨ 5**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Dân quân tự vệ ngày 23 tháng 11 năm 2009;*

*Căn cứ Pháp lệnh Công an xã số 06/2008/PL-UBTVQH12 ngày 21 tháng 11 năm 2008;*

*Căn cứ Nghị định số 92/2009/NĐ-CP ngày 22 tháng 10 năm 2009 của Chính phủ về việc quy định số lượng chức danh, một số chế độ đối với cán bộ, công chức xã, phường, thị trấn và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã;*

*Căn cứ Nghị định số 29/2013/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 92/2009/NĐ-CP ngày 22 tháng 10 năm 2009 của Chính phủ;*

*Căn cứ Nghị định số 03/2016/NĐ-CP ngày 05 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành một số điều của Luật Dân quân tự vệ;*

*Căn cứ Nghị định số 73/2009/NĐ-CP ngày 07 tháng 9 năm 2009 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Công an xã;*

*Căn cứ Nghị định số 38/2006/NĐ-CP ngày 17 tháng 4 năm 2006 của Chính phủ về Bảo vệ dân phố;*

*Căn cứ Quyết định số 75/2009/QĐ-TTg ngày 11 tháng 5 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ quy định chế độ phụ cấp đối với nhân viên y tế thôn, bản;*

*Căn cứ Thông tư số 12/2010/TT-BCA ngày 08 tháng 4 năm 2010 của Bộ Công an hướng dẫn thi hành một số điều của Pháp lệnh Công an xã và Nghị định số 73/2009/NĐ-CP;*

*Căn cứ Thông tư số 05/2008/TT-BYT ngày 14 tháng 5 năm 2008 của Bộ Y tế hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức bộ máy dân số - kế hoạch hóa gia đình ở địa phương;*

*Căn cứ Thông tư liên tịch số 03/2010/TTLT-BNV-BTC-BLĐTB&XH ngày 27 tháng 5 năm 2010 của Liên Bộ: Nội vụ - Tài chính - Lao động Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện Nghị định số 92/2009/NĐ-CP của Chính phủ;*

*Căn cứ Thông tư liên tịch số 102/2010/TTLT-BQP-BLĐTBXH-BNV-BTC ngày 02 tháng 8 năm 2010 của liên Bộ: Quốc phòng, Lao động - Thương binh và Xã hội, Nội vụ và Tài chính hướng dẫn thực hiện một số chế độ, chính sách đối với dân quân tự vệ và việc lập dự toán, chấp hành và quyết toán ngân sách cho công tác dân quân tự vệ;*

*Xét Tờ trình số... /TTr-UBND ngày... tháng ... năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc quy định chức danh, số lượng, một số chế độ chính sách đối với những người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn và ở thôn, tổ dân phố; Báo cáo thẩm tra số /BC-BPC ngày ... tháng 6 năm 2018 của Ban Pháp chế HĐND tỉnh và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh.*

## **QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1. Chức danh, số lượng, mức phụ cấp những người hoạt động không chuyên trách xã, phường, thị trấn (gọi chung là cấp xã)**

1. Chức danh: Mỗi đơn vị cấp xã không quá 17 chức danh, gồm:

- a) Phó Chủ tịch Ủy ban Mặt trận tổ quốc;
- b) Phó Chủ tịch Hội Cựu chiến binh;
- c) Phó Chủ tịch Hội Nông dân (chỉ bố trí ở đơn vị có tổ chức Hội Nông dân);
- d) Phó Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ;
- e) Phó Bí thư Đoàn TNCS Hồ Chí Minh;
- f) Chủ tịch Hội Người cao tuổi;
- g) Trưởng ban Thanh tra nhân dân;
- h) Phó trưởng Công an (xã, thị trấn) hoặc Trưởng ban Bảo vệ dân phố (đối với phường);
- i) Chỉ huy phó Ban chỉ huy Quân sự;
- k) Thủ quỹ, văn thư, lưu trữ;
- l) Đài truyền thanh;
- m) Quản lý văn hóa, thông tin, thể thao;
- n) Chủ tịch Hội chữ thập đỏ;
- o) Phó Ban Tổ chức Đảng ủy;

- ò) Phó Chủ nhiệm Ủy ban kiểm tra Đảng ủy;
- ơ) Văn phòng Đảng ủy;
- p) Công an viên (xã, thị trấn) hoặc Phó ban Bảo vệ dân phố (đối với phường).

## 2. Số lượng:

a) Mỗi đơn vị cấp xã loại I, loại II bố trí không quá 09 người hoạt động không chuyên trách.

b) Mỗi đơn vị cấp xã loại III bố trí không quá 06 người hoạt động không chuyên trách.

3. Mức phụ cấp hằng tháng các chức danh: Đối với đơn vị cấp xã loại I, II bằng 18,6 tháng lương cơ sở; đơn vị cấp xã loại III bằng 15,03 tháng lương cơ sở (*bao gồm cả kinh phí đóng Bảo hiểm xã hội và Bảo hiểm y tế*).

## 4. Mức phụ cấp mỗi chức danh:

a) Các chức danh hưởng hệ số 1,0 mức lương cơ sở gồm: Phó Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc; Chủ tịch Hội Người cao tuổi; Trưởng ban Thanh tra nhân dân; Phó trưởng Công an đối với xã, thị trấn (Trưởng ban Bảo vệ dân phố đối với phường); Chỉ huy phó Ban chỉ huy Quân sự; Đài truyền thanh; Quản lý văn hóa, thông tin, thể thao; Chủ tịch Hội chữ thập đỏ; Văn phòng Đảng ủy.

b) Các chức danh hưởng hệ số 0,8 mức lương cơ sở gồm: Thủ quỹ, văn thư, lưu trữ; Phó Chủ tịch Hội Cựu chiến binh; Phó Chủ tịch Hội Nông dân (chỉ bố trí ở đơn vị có tổ chức Hội Nông dân); Phó Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ; Phó Bí thư Đoàn TNCS Hồ Chí Minh; Phó Ban Tổ chức Đảng ủy; Phó Chủ nhiệm Ủy ban kiểm tra Đảng ủy; Công an viên đối với xã, thị trấn (Phó ban Bảo vệ dân phố đối với phường).

## **Điều 2. Chức danh, số lượng, mức phụ cấp những người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố**

1. Chức danh: Mỗi thôn, tổ dân phố có 06 chức danh, gồm:

- a) Bí thư chi bộ;
- b) Trưởng thôn hoặc Tổ trưởng Tổ dân phố;
- c) Phó thôn hoặc Tổ phó Tổ dân phố;
- d) Công an viên (*ở thôn, tổ dân phố thuộc xã, thị trấn*) hoặc Bảo vệ dân phố (*đối với Tổ dân phố của phường thuộc thành phố Bắc Giang*);
- e) Thôn đội trưởng (hoặc Tổ đội trưởng đối với tổ dân phố);
- f) Nhân viên Y tế.

2. Số lượng: Mỗi thôn, tổ dân phố bố trí không quá 03 người hoạt động không chuyên trách.

3. Mức phụ cấp hằng tháng các chức danh (bao gồm cả kinh phí đóng Bảo hiểm y tế đối với chức danh hoạt động không chuyên trách và thù lao trưởng đoàn thể):

- a) Thôn, tổ dân phố loại I bằng 6,21 tháng lương cơ sở.
- b) Thôn, tổ dân phố loại II, III bằng 5,68 tháng lương cơ sở.

4. Mức phụ cấp mỗi chức danh:

a) Các chức danh hưởng hệ số 1,0 mức lương cơ sở gồm: Bí thư chi bộ; Trưởng thôn ở thôn, tổ dân phố loại I.

b) Các chức danh hưởng hệ số 0,8 mức lương cơ sở gồm: Bí thư chi bộ; Trưởng thôn ở thôn, tổ dân phố loại II, loại III; Công an viên; Bảo vệ dân phố.

c) Các chức danh hưởng hệ số 0,6 mức lương cơ sở gồm: Phó thôn; Tổ phó tổ dân phố; Thôn đội trưởng; Tổ đội trưởng.

d) Chức danh hưởng hệ số 0,5 mức lương cơ sở: Nhân viên y tế.

**Điều 3. Chức danh, mức thù lao đối với Trưởng Ban công tác Mặt trận, Trưởng các đoàn thể và Cộng tác viên dân số-kế hoạch hóa gia đình ở thôn, tổ dân phố**

1. Chức danh:

- a) Trưởng Ban công tác Mặt trận;
- b) Chi hội trưởng Chi hội Nông dân;
- c) Chi hội trưởng Chi hội Phụ nữ;
- d) Chi hội trưởng Chi hội Cựu chiến binh;
- e) Chi hội trưởng Chi hội Người cao tuổi;
- f) Bí thư chi đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh;
- g) Cộng tác viên dân số-kế hoạch hóa gia đình.

2. Trên cơ sở mức phụ cấp hằng tháng các chức danh tại Khoản 3 Điều 2, mức thù lao hằng tháng:

a) Trưởng Ban công tác Mặt trận và Chi hội trưởng đoàn thể ở thôn, tổ dân phố loại I hưởng hệ số 0,23 mức lương cơ sở; ở thôn, tổ dân phố loại II, loại III hưởng hệ số 0,21 mức lương cơ sở.

b) Cộng tác viên dân số-kế hoạch hóa gia đình hưởng hệ số 0,15 mức lương cơ sở.

**Điều 4. Mức phụ cấp kiêm nhiệm chức danh**

1. Cán bộ chuyên trách, công chức cấp xã đảm nhiệm thêm không quá 01 chức danh không chuyên trách và được hưởng 50% phụ cấp của chức danh đảm nhiệm.

2. Người hoạt động không chuyên trách cấp xã đảm nhiệm thêm nhiệm vụ của 01 chức danh không chuyên trách khác thì được hưởng 100% phụ cấp của chức danh



đảm nhiệm; nếu đảm nhiệm thêm nhiệm vụ của chức danh không chuyên trách khác nữa thì được hưởng thêm 50% phụ cấp của chức danh đảm nhiệm (một người hoạt động không chuyên trách được đảm nhiệm tối đa 3 chức danh).

3. Những người hoạt động không chuyên trách, Trưởng Ban công tác Mặt trận, trưởng đoàn thể ở thôn, tổ dân phố được kiêm nhiệm thêm không quá 2 chức danh khác, được hưởng 100% phụ cấp, thù lao của chức danh kiêm nhiệm.

#### **Điều 5. Một số chế độ khác**

1. Những người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn được tham gia Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm Y tế theo quy định của Luật Bảo hiểm xã hội và Luật Bảo hiểm y tế.

2. Những người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố được tham gia Bảo hiểm y tế theo quy định của Luật Bảo hiểm y tế và được hưởng các chế độ khác theo quy định chính sách hiện hành của Nhà nước.

#### **Điều 6. Nguồn kinh phí**

1. Do ngân sách nhà nước bảo đảm theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Nghị định số 29/2013/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 92/2009/NĐ-CP ngày 22 tháng 10 năm 2009 của Chính phủ; Nghị định số 03/2016/NĐ-CP ngày 05 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành một số điều của Luật Dân quân tự vệ; Quyết định số 75/2009/QĐ-TTg ngày 11 tháng 5 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ quy định chế độ phụ cấp đối với nhân viên y tế thôn, bản và văn bản hiện hành của nhà nước.

2. Chuyển nhiệm vụ chi phụ cấp cho Nhân viên y tế thôn, bản, tổ dân phố từ ngân sách cấp tỉnh về ngân sách cấp xã.

3. Chuyển nhiệm vụ chi thù lao cho Cộng tác viên dân số -kế hoạch hóa gia đình ở thôn, tổ dân phố từ ngân sách cấp huyện về ngân sách cấp xã.

#### **Điều 7. Tổ chức thực hiện**

Giao cho Ủy ban nhân dân tỉnh quy định tiêu chuẩn, quy trình tuyển chọn, định hướng kiêm nhiệm các chức danh những người hoạt động không chuyên trách và triển khai thực hiện Nghị quyết này.

#### **Điều 8. Hiệu lực thi hành**

Nghị quyết này thay thế các nghị quyết: Nghị quyết số 20/2009/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2009 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Giang về việc quy định chế độ bảo vệ dân phố ở các phường địa bàn thành phố Bắc Giang; Nghị quyết số 40/2010/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2010 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc

Giang về việc quy định chức danh, số lượng, một số chế độ, chính sách đối với những người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn và ở thôn, tổ dân phố; Nghị quyết số 24/2012/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2012 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Giang về việc quy định chế độ thù lao đối với Trưởng ban công tác mặt trận và trưởng các đoàn thể ở thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Bắc Giang; Nghị quyết số 23/2012/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2012 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Giang về việc quy định chế độ thù lao đối với cộng tác viên dân số - kế hoạch hóa gia đình ở thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Bắc Giang; Nghị quyết số 31/2013/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2013 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Giang sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 40/2010/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2010; Nghị quyết số 20/2009/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2009; Nghị quyết số 24/2012/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2012 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Giang.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Giang khoá XVIII, kỳ họp thứ 5 thông qua và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2019./.

**Nơi nhận:**

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Nội vụ, Bộ Tư pháp, Bộ Tài chính, Bộ Y tế;
- Cục kiểm tra văn bản QPPL-Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội
- Các đại biểu HĐND tỉnh;
- Văn phòng: Tỉnh ủy, UBND tỉnh, Đoàn ĐBQH; HĐND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ và các đoàn thể nhân dân tỉnh;
- Các cơ quan trực thuộc Tỉnh ủy, UBND tỉnh;
- Viện KSND, TAND tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- LĐVP, CV Văn phòng;
- Lưu: VT, TH.

**Bản điện tử:**

- Trung tâm công báo, Văn phòng UBND tỉnh.

**CHỦ TỊCH**

**Bùi Văn Hải**

UBND TỈNH BẮC GIANG

SỞ NỘI VỤ

Số: 93/BC-SNV

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bắc Giang, ngày 14 tháng 6 năm 2018

### BÁO CÁO TỔNG HỢP

Tiếp thu, không tiếp thu, giải trình các ý kiến đóng góp vào dự thảo Nghị quyết quy định chức danh, số lượng, một số chế độ chính sách đối với những người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn, ở thôn, tổ dân phố và các chức danh khác hoạt động ở thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Bắc Giang

Thực hiện Kế hoạch số 47-KH/TU ngày 30/5/2018 của Tỉnh ủy Bắc Giang, Thông báo số 10/TB-HDND ngày 30/5/2018, Công văn số 349/HĐND-TH ngày 8/6/2018 của Thường trực HĐND tỉnh và chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Nội vụ đã phối hợp các cơ quan, đơn vị liên quan tham mưu xây dựng dự thảo nghị quyết quy định số lượng chức danh, số lượng, một số chế độ, chính sách đối với những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, phường, thị trấn và ở thôn, tổ dân phố trình UBND tỉnh và HĐND tỉnh;

Ngày 05/06/2018, Sở Nội vụ đã chủ trì tổ chức Hội nghị lấy ý kiến của các đại diện lãnh đạo các cơ quan Đảng, MTTQ và đoàn thể chính trị tỉnh, đại diện các sở, ban, ngành và các huyện, thành phố về nội dung dự thảo nghị quyết. Sau khi lắng nghe ý kiến tham gia của các đại biểu, Sở Nội vụ đã nghiên cứu, tiếp thu chỉnh sửa và hoàn chỉnh dự thảo Nghị quyết. Sở Nội vụ báo cáo tổng hợp tiếp thu, không tiếp thu, giải trình các ý kiến đóng góp vào dự thảo Nghị quyết, cụ thể như sau:

ST T	Tên cơ quan, đơn vị	Nội dung góp ý	Tiếp thu	Không tiếp thu	Giải trình	Ghi chú
1	Sở Y tế	Các cơ quan, đơn vị có ý kiến góp ý cần giải trình - Gạch đầu dòng thứ nhất tại điểm b, Khoản 1 Điều 1 đề nghị quy định rõ chức danh cụ thể của 6 người hoạt động không chuyên trách đối với đơn vị cấp xã có dưới 3.000 người và chức danh cụ thể của 9 người đối với đơn vị cấp xã có từ 3.000 người trở lên (nếu không quy định chức danh cụ thể, đề	X		- Đã tiếp thu chỉnh sửa vào Khoản 2, Điều 1, dự thảo Nghị quyết lần 3.	

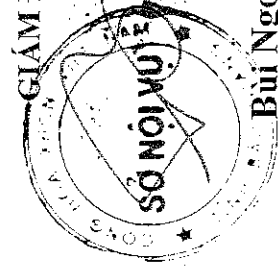


		1	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đề nghị bổ sung khoản 3, Điều 2 về nội dung người hoạt động không chuyên trách ở thôn có thể đảm nhiệm 03 chức danh, được hưởng 100% phụ cấp các chức danh</li> <li>- Về chế độ chính sách khác quy định tại khoản 3, Điều 3, đề nghị nghiên cứu lại và giao cho UBND tỉnh</li> </ul>				<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đã tiếp thu và chỉnh sửa vào Điều 4, dự thảo Nghị quyết lần 3.</li> </ul>	
			<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đề nghị quy định chức danh cụ thể, chức danh bắt buộc và chức danh kiêm nhiệm gạch đầu dòng thứ nhất tại điểm b, khoản 1 Điều 1 của dự thảo. Phó công an xã là chức danh kiêm nhiệm, chức danh chính.</li> </ul>				<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đã tiếp thu và chỉnh sửa vào Điều 7 của dự thảo Nghị quyết lần 3</li> </ul>	
			<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đề nghị quy định chức danh cụ thể, chức danh bắt buộc và chức danh kiêm nhiệm gạch đầu dòng thứ nhất tại điểm b, khoản 1 Điều 1 của dự thảo. Phó công an xã là chức danh kiêm nhiệm, chức danh chính.</li> </ul>				<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đã tiếp thu và chỉnh sửa vào Điều 4 của dự thảo Nghị quyết lần 3</li> </ul>	
			<ul style="list-style-type: none"> <li>- Về nguồn kinh phí: đề nghị không quy định dân chiểu cụ thể tên, số văn bản QPPL vì sau này khi văn bản thay đổi, tình lâu dài của văn bản không cao. Nên quy định nguồn kinh phí theo chế độ hiện hành</li> </ul>				<ul style="list-style-type: none"> <li>- Không tiếp thu. Lý do: Quy định cụ thể mới có căn cứ để giải quyết chế độ chính sách cho những người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn và ở thôn, tổ dân phố</li> </ul>	
			<ul style="list-style-type: none"> <li>- Xem lại nội dung in nghiêng của gạch đầu dòng thứ 2 tại Điều 2.</li> </ul>				<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đã tiếp thu và chỉnh sửa vào Điều 4 của dự thảo Nghị quyết lần 3</li> </ul>	
			<ul style="list-style-type: none"> <li>- Về nghị xã, thôn loại 01 có 02 công an viên và công an viên là chức danh chính được quy định tại Điều 1 (lăng số lạng công an viên)</li> </ul>				<ul style="list-style-type: none"> <li>- Không tiếp thu vì thực hiện theo tinh thần Kết luận số 64-KL/TW ngày 28/5/2013 của Ban Chấp hành Trung ương đảng khóa XI "mỗi thôn, tổ dân phố và tương đương có một số chức danh (không quá 3 người) được hưởng phụ cấp hàng tháng từ ngân sách nhà nước" và theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 6, khóa XII</li> </ul>	
			<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đề nghị xã, thôn loại 01 có 02 công an viên và công an viên là chức danh chính được quy định tại Điều 1 (lăng số lạng công an viên)</li> </ul>				<ul style="list-style-type: none"> <li>- Không tiếp thu vì thực hiện theo tinh thần Kết luận số 64-KL/TW ngày 28/5/2013 của Ban Chấp hành Trung ương đảng khóa XI "mỗi thôn, tổ dân phố và tương đương có một số chức danh (không quá 3 người) được hưởng phụ cấp hàng tháng từ ngân sách nhà nước" và theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 6, khóa XII</li> </ul>	

6	UBMTTQ tỉnh	- Đề nghị Bí thư chi bộ thôn, tổ dân phố kiêm Trưởng ban MTTQ - Đề nghị tăng phụ cấp Trưởng ban Công tác mặt trận		X	- Không tiếp thu. Lí do: để tăng tính chủ động cho địa phương trong việc bố trí và sắp xếp cán bộ - Không tiếp thu. Lí do thực hiện khoản quỹ phụ cấp không vượt quá mức khoán quy định của Chính phủ/thôn/tháng
7	Hội liên hiệp phụ nữ tỉnh	- Đề nghị tăng phụ cấp Chi Hội trưởng chi hội Phụ nữ - Đề nghị quy định chức danh cụ thể, chức danh bắt buộc và chức danh kiêm nhiệm gạch đầu dòng thứ nhất tại điểm b, khoản I Điều 1 của dự thảo	X	X	- Không tiếp thu. Lí do thực hiện khoản quỹ phụ cấp không vượt quá mức khoán quy định của Chính phủ/thôn/tháng Đã tiếp thu và chỉnh sửa quy định tại khoản 2, Điều 1 của dự thảo Nghị Quyết lần 3
9	UBND huyện Hiệp Hòa	- Đề nghị xem lại 17 chức danh quy định tại Khoản 1, Điều 1: chủ yếu là đoàn thể, khó khăn trong việc tạo nguồn, cần nhắc bố trí nhiều các chức danh hỗ trợ cho hoạt động của chính quyền		X	- Đã tổ chức khảo sát ở 10 huyện, thành phố, cơ bản các huyện, thành phố nhất trí phương án bố trí, sắp xếp 17 chức danh. Đồng thời nội dung này đã được Tỉnh ủy quyết định trong Kế hoạch số 47/TU ngày 30/5/2018.
II	Các cơ quan, đơn vị nhất trí (11 cơ quan, đơn vị): Huyện, thành phố: Yên Dũng, Việt Yên, Tân Yên, Lục Nam, Lục Ngạn, Sơn Động, Hiệp Hòa, Thành phố Bắc Giang, Yên Thế; các Sở: Nông nghiệp và phát triển Nông thôn; Sở Tài chính. <i>gk</i>				

*Nơi nhận:*  
- Như trên;  
Lưu: VT, XDCQ&CTTN.  
*Bản điện tử:*  
- Lãnh đạo Sở.

GIÁM ĐỐC



Bùi Ngọc Sơn

Số: 170/BC-STP

Bắc Giang, ngày 15 tháng 6 năm 2018

## BÁO CÁO

**Thẩm định dự thảo Nghị quyết quy định chức danh, số lượng, một số chế độ, chính sách đối với những người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn và ở thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Bắc Giang**

Ngày 14/6/2018, Sở Tư pháp nhận được đầy đủ hồ sơ kèm theo Công văn số 672/SNV-XDCQ&CTTN. Sau khi nghiên cứu dự thảo Nghị quyết quy định chức danh, số lượng, một số chế độ, chính sách đối với những người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn và ở thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Bắc Giang và các văn bản quy phạm pháp luật (QPPL) có liên quan, Sở Tư pháp có ý kiến thẩm định như sau:

### 1. Về phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng thể hiện tại tên gọi và nội dung dự thảo Nghị quyết đã đảm bảo đầy đủ, bao quát được nội dung văn bản.

### 2. Về tính hợp hiến, hợp pháp và tính thống nhất của dự thảo văn bản với hệ thống pháp luật

#### 2.1. Về thẩm quyền ban hành

Việc UBND tỉnh trình HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết quy định chức danh, số lượng, một số chế độ, chính sách đối với những người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn và ở thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Bắc Giang là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 3b Điều 19 Nghị định số 92/2010/NĐ-CP ngày 22/10/2009 của Chính phủ về chức danh, số lượng, một số chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức ở xã, phường, thị trấn và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã – nội dung được sửa đổi bổ sung tại khoản 5 Điều 1 Nghị định số 29/2013/NĐ-CP ngày 08/4/2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 92/2009/NĐ-CP và khoản 1 Điều 27 Luật Ban hành văn bản QPPL năm 2015.

#### 2.2. Về nội dung văn bản

Để đảm bảo tính hợp pháp, thống nhất với hệ thống pháp luật hiện hành và tính hợp lý của quy định trong văn bản QPPL, đề nghị nghiên cứu chỉnh sửa một số nội dung sau:

- Phần căn cứ pháp lý: Đề nghị nghiên cứu bổ sung Thông tư số 05/2008/TT-BYT ngày 14/5/2008 của Bộ Y tế hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ

và cơ cấu tổ chức bộ máy dân số - kế hoạch hóa gia đình ở địa phương để đảm bảo phù hợp với khoản 1 Điều 61 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản QPPL vì văn bản này có nội dung liên quan đến nội dung dự thảo Nghị quyết (quy định về cộng tác viên dân số - kế hoạch hóa gia đình).

- Điều 1: + Khoản 2: Điểm a quy định số lượng chức danh để đảm nhiệm các chức danh chính và chức danh “còn lại” là kiêm nhiệm, tuy nhiên, đối với chức danh là “Phó ban Bảo vệ dân phố (đối với phường)” chưa thấy khoản này liệt kê vào chức danh chính hay chức danh “còn lại”. Do đó, đề nghị bổ sung đảm bảo tính toàn diện của quy định.

Điểm b quy định bố trí số lượng người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã theo dân số: “xã có *dân số dưới 3.000 người* được bố trí không quá 06 người hoạt động không chuyên trách ...”; tuy nhiên Điều 13 Nghị định 92/2009/NĐ-CP và khoản 1 Điều 9 Thông tư liên tịch số 03/2010/TTLT-BNV-BTC-BLĐTBXH quy định số lượng những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã được bố trí *theo phân loại đơn vị hành chính* xã, phường, thị trấn (loại 1, loại 2, loại 3). Do đó, đề nghị nghiên cứu chỉnh sửa đảm bảo phù hợp với quy định pháp luật hiện hành.

+ Khoản 3: Điểm c thuộc điều quy định “mức khoán quỹ phụ cấp hàng tháng đối với mỗi đơn vị cấp xã bằng hệ số 18,80 của mức lương cơ sở”; tuy nhiên, Điều 14 Nghị định số 92/2009/NĐ-CP – được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 3 Điều 1 Nghị định số 29/2013/NĐ-CP quy định mức khoán quỹ phụ cấp hàng tháng theo hệ số của mức lương cơ sở tại cấp xã loại 1 là 20,3; cấp xã loại 2 là 18,6; cấp xã loại 3 là 17,6. Do đó, đề nghị rà soát, nghiên cứu chỉnh sửa đảm bảo phù hợp với quy định pháp luật và tình hình thực tế của địa phương.

- Điều 2: Điểm d khoản 3 thuộc Điều quy định mức phụ cấp hàng tháng của chức danh nhân viên y tế là hưởng *hệ số 0,5* theo mức lương cơ sở là chưa đảm bảo phù hợp với khoản 2 Điều 2 Quyết định số 75/2009/QĐ-TTg ngày 11/5/2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc quy định chế độ phụ cấp đối với nhân viên y tế thôn, bản; theo đó: “2. Mức phụ cấp hàng tháng đối với nhân viên y tế thôn, bản *bằng 0,5 và 0,3 so với mức lương tối thiểu chung* được quy định như sau: a) *Mức 0,5* áp dụng đối với nhân viên y tế thôn, bản *tại các xã vùng khó khăn* theo Quyết định số 30/2007/QĐ-TTg ngày 05 tháng 3 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ ban hành danh mục các đơn vị hành chính thuộc vùng khó khăn. b) *Mức 0,3* áp dụng đối với nhân viên y tế thôn, bản *tại các xã còn lại*.”. Sở Tư pháp nhận thấy việc tăng mức phụ cấp hàng tháng cho chức danh nhân viên y tế như nội dung dự thảo là đảm bảo phù hợp với tình hình thực tiễn, tuy nhiên chưa phù hợp với quy định pháp luật nêu trên; do đó, đề nghị nghiên cứu chỉnh sửa đảm bảo tính phù hợp, thống nhất với hệ thống pháp luật hiện hành.



- Việc quy định tên gọi một số chức danh trong dự thảo Nghị quyết chưa đảm bảo chính xác, phù hợp, thống nhất, đơn cử như: (i) Điều 1 quy định chưa thống nhất đối với chức danh “Chỉ huy phó Ban chỉ huy Quân sự” (điểm i khoản 1, điểm a khoản 3) và “Phó Ban chỉ huy Quân sự” (đoạn 2 điểm a khoản 2); (ii) việc quy định tên gọi một số chức danh tại khoản 1 Điều 1 chưa hợp lý, chưa thống nhất với tên gọi các chức danh khác và gây khó khăn trong việc xác định đây là tên gọi của một chức danh như chức danh “Đài truyền thanh”, chức danh “Quản lý văn hóa, thông tin, thể thao” (trong khi các chức danh khác là “Trưởng ban ...”, “Phó Chủ tịch ...”, “Chỉ huy phó ...”, “Bí thư ...”, “Văn phòng ...”...); (iii) điểm g khoản 1 Điều 3 quy định chức danh “Cộng tác viên dân số” là chưa đảm bảo chính xác về tên gọi chức danh này theo quy định tại Thông tư số 05/2008/TT-BYT. Do đó, đề nghị rà soát lại tên gọi các chức danh trong dự thảo Nghị quyết để chỉnh sửa đảm bảo chính xác, phù hợp với quy định pháp luật.

- Về thành phần nhận: + Đề nghị bổ sung một số cơ quan có thẩm quyền kiểm tra, đăng công báo văn bản này như Cục Kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật - Bộ Tư pháp, Trung tâm Thông tin để đảm bảo phù hợp với khoản 1 Điều 67, khoản 1 Điều 121 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP.

+ Đề nghị tách Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh thành 2 cơ quan riêng để đảm bảo phù hợp với quy định tại Nghị quyết số 1097/2015/UBTVQH13 ngày 22/12/2015 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội thành lập và quy định chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức của Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; Quyết định số 15/QĐ-HĐND ngày 11/7/2016 của HĐND tỉnh Bắc Giang về việc đổi tên Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh thành Văn phòng HĐND tỉnh Bắc Giang.

### **3. Về ngôn ngữ, thể thức, kỹ thuật trình bày văn bản**

Đề ngôn ngữ, thể thức, kỹ thuật trình bày của dự thảo Nghị quyết đảm bảo phù hợp với quy định tại Nghị định số 34/2016/NĐ-CP, đề nghị nghiên cứu chỉnh sửa một số nội dung sau:

- Phần Quốc hiệu: Đề nghị bổ sung đường kẻ ngang dưới tiêu ngữ “Độc lập – Tự do – Hạnh phúc” để đảm bảo phù hợp với khoản 1 Điều 55 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP và Mẫu số 16 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định này.

- Phần căn cứ pháp lý: Đề nghị trình bày thống nhất cách trình bày “ngày... tháng... năm...” ban hành các văn bản làm căn cứ pháp lý; tại căn cứ cuối cùng đề nghị trình bày kiểu chữ nghiêng; đồng thời sắp xếp các văn bản cùng loại (trừ căn cứ thứ 1, 2) theo trật tự thời gian ban hành để đảm bảo phù hợp để phù hợp với khoản 3 Điều 61 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP và Mẫu số 16 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định này.

- Điều 1: + Đề nghị bỏ cụm từ “Quy định” và “, như sau:” tại tiêu đề của Điều này để đảm bảo phù hợp với cách trình bày tiêu đề theo quy định tại khoản

3, điểm c khoản 5 Điều 62 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP và thống nhất với cách trình bày tiêu đề các Điều khác của dự thảo Nghị quyết.

+ Khoản 2: việc trình bày các chức danh kiêm nhiệm tại đoạn thứ nhất điểm a thuộc khoản chưa đảm bảo thống nhất, cụ thể: “Chủ tịch Hội Người cao tuổi *cơ cấu làm* Phó Chủ tịch...”, “Đài truyền thanh – Quản lý văn hóa, thông tin, thể thao; Phó Ban Tổ chức – Phó chủ nhiệm Ủy ban kiểm tra – Văn phòng Đảng ủy”.

- Điều 2: Đề nghị bỏ cụm từ “Quy định” tại tiêu đề của Điều như nội dung đã nêu tại tiêu đề Điều 1.

- Điều 6: Đề nghị trình bày đầy đủ tên gọi các văn bản được viện dẫn tại Điều này để đảm bảo phù hợp với khoản 1 Điều 75 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP.

- Đề nghị rà soát trình bày thống nhất, chính xác đối với cụm từ “hưởng theo hệ số ... của mức lương cơ sở”, “hưởng hệ số ... của mức lương cơ sở”, “hưởng theo hệ số của mức lương cơ sở”... trong dự thảo Nghị quyết.

- Đề nghị trình bày thứ tự các điểm theo bảng chữ cái tiếng Việt tại khoản 1 Điều 1, khoản 1 và khoản 3 Điều 2, khoản 1 Điều 3 và không trình bày dấu “-” trong nội dung Điều 8 để đảm bảo phù hợp với Điều 62 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP; đồng thời, chỉnh sửa cách trình bày số trang của văn bản đảm bảo phù hợp với quy định tại Điều 76 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP.

#### **4. Về điều kiện trình UBND tỉnh**

Dự thảo Nghị quyết đảm bảo điều kiện về thẩm quyền.

Về trình tự, thủ tục: Dự thảo chưa đảm bảo thời gian đăng tải trên Cổng thông tin điện tử là 30 ngày để lấy ý kiến (tính đến ngày gửi hồ sơ đề nghị thẩm định) theo quy định tại khoản 1 Điều 120 Luật Ban hành văn bản QPPL năm 2015 (dự thảo này đăng tải lấy ý kiến ngày 06/6/2018).

Về nội dung: Đề nghị Sở Nội vụ nghiên cứu ý kiến Sở Tư pháp nêu tại tiết 2.2 mục 2 và mục 3 Báo cáo này để đảm bảo tính hợp pháp, thống nhất và chất lượng văn bản trình UBND tỉnh.

\* Ngoài ra, đối với dự thảo Tờ trình, đề nghị Sở Nội vụ nghiên cứu chỉnh sửa đảm bảo các nội dung theo Mẫu số 03 Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 34/2016/NĐ-CP<sup>1</sup>. Đối với Bảng tổng hợp ý kiến tham gia của các cơ quan, đơn vị (Báo cáo tổng hợp), đề nghị rà soát tổng hợp đầy đủ, chính xác nội dung các cơ quan, đơn vị tham gia ý kiến<sup>2</sup>.

<sup>1</sup> Mục số V, VI dự thảo Tờ trình chưa đảm bảo phù hợp với Mẫu số 03 Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 34/2016/NĐ-CP.

<sup>2</sup> Tại Bảng tổng hợp ý kiến tham gia, Sở Nội vụ chưa tổng hợp ý kiến của Ban Tổ chức Tỉnh ủy đồng thời tổng hợp chưa chính xác ý kiến tham gia của Sở Tư pháp.

Trên đây là báo cáo thẩm định của Sở Tư pháp đối với dự thảo Nghị quyết quy định chức danh, số lượng, một số chế độ, chính sách đối với những người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn và ở thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Bắc Giang, đề nghị Sở Nội vụ nghiên cứu, chỉnh lý dự thảo và gửi Sở Tư pháp, Văn phòng UBND tỉnh báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định theo quy định. /.

**Nơi nhận:**

Lưu: VT.

**Bản điện tử:**

- Sở Nội vụ;
- Lãnh đạo Sở;
- Phòng XD&KTrVB.

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Người ký: Đỗ Thị Việt Hà  
Email:  
hadtv\_stp@bacgiang.gov.vn  
Cơ quan: Sở Tư pháp, Tỉnh  
Bắc Giang  
Chức vụ: Phó Giám đốc  
Thời gian ký: 15.06.2018  
15:34:55 +07:00

**Đỗ Thị Việt Hà**



Số: 95 /BC-SNV

Bắc Giang, ngày 16 tháng 6 năm 2018

### BÁO CÁO

Giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp về dự thảo Nghị quyết quy định chức danh, số lượng, một số chế độ chính sách đối với những người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn, ở thôn, tổ dân phố và các chức danh khác hoạt động ở thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Bắc Giang

Căn cứ Báo cáo số 170/BC-STP ngày 15 tháng 6 năm 2018 của Sở Tư pháp về báo cáo thẩm định dự thảo nghị quyết của HĐND tỉnh; sau khi nghiên cứu nội dung báo cáo, Sở Nội vụ báo cáo giải trình, tiếp thu như sau:

*Ý kiến thứ nhất:*

“Dự thảo nghị quyết quy định số lượng chức danh để đảm nhiệm các chức danh chính và chức danh còn lại là kiêm nhiệm. Tuy nhiên đối với chức danh “Phó ban Bảo vệ dân phố” (đối với phường) chưa thấy đưa vào chức danh chính”

Ý kiến trên không tiếp thu vì theo dự thảo nghị quyết đã bố trí Trưởng ban Bảo vệ dân phố là chức danh chính nên chức danh “Phó ban Bảo vệ dân phố” sẽ là chức danh kiêm nhiệm.

*Ý kiến thứ hai:*

“Dự thảo nghị quyết quy định số người hoạt động không chuyên trách ở xã có dân số dưới 3000 người được bố trí không quá 06 người hoạt động không chuyên trách là chưa phù hợp với Nghị định 92/2009/NĐ-CP và Thông tư số 03/2010/TTLT về quy định số lượng người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã theo phân loại đơn vị hành chính”.

Tiếp thu ý kiến trên, Sở Nội vụ đã chỉnh sửa trong dự thảo nghị quyết (lần 4).

*Ý kiến thứ ba:*

“Dự thảo nghị quyết quy định mức khoán quỹ phụ cấp hàng tháng đối với mỗi đơn vị cấp xã bằng hệ số 18,6 mức lương cơ sở, còn quy định của chính phủ tại Nghị định 29/2013/NĐ-CP là theo phân loại đơn vị hành chính cấp xã”

Tiếp thu ý kiến trên, Sở Nội vụ đã chỉnh sửa trong dự thảo nghị quyết (lần 4)

*Ý kiến thứ tư:*

“Dự thảo nghị quyết quy định mức phụ cấp cho chức danh Nhân viên y tế thôn, tổ dân phố hưởng hệ số 0,5 mức lương cơ sở là chưa đảm bảo phù hợp với Quyết định số 75/2009/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ”.

Việc đề xuất mức phụ cấp của Nhân viên y tế thôn, tổ dân phố hưởng hệ số 0,5 là kế thừa Nghị quyết số 40/2010/NQ-HĐND; Nghị quyết số 31/2013/NQ-HĐND của HĐND tỉnh Bắc Giang; Quyết định số 75/2009/QĐ-TTg quy định mức phụ cấp Nhân viên y tế hệ số 0,5 đối với thôn thuộc xã đặc biệt khó khăn, thôn thuộc các xã

còn lại 0,3. Trên thực tế mức phụ cấp của Nhân viên y tế thôn và tổ dân phố thấp, nhiều ý kiến cứ tri đề xuất nâng mức phụ cấp lên 0,5 mức lương cơ sở là phù hợp.

*Ý kiến thứ năm:*

“Việc quy định tên gọi một số chức danh trong dự thảo nghị quyết chưa đảm bảo chính xác, phù hợp, thống nhất”.

Sở Nội vụ đã tiếp thu, rà soát lại tên gọi của một số chức danh và chỉnh sửa trong dự thảo nghị quyết (lần 4).

*Ý kiến thứ sáu:*

“Về nơi nhận trong dự thảo nghị quyết”

Sở Nội vụ đã chỉnh sửa trong dự thảo nghị quyết (lần 4).

*Các ý kiến tại mục 3, mục 4, Báo cáo 170/BC-STP*

Với các ý kiến tại mục 3, mục 4, Báo cáo 170/BC-STP của Sở Tư pháp, Sở Nội vụ đã tiếp thu và chỉnh sửa trong dự thảo nghị quyết (lần 4).

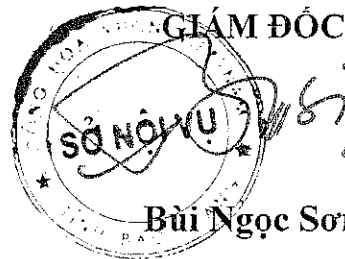
Trên đây là báo cáo tiếp thu, không tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định dự thảo nghị quyết của HĐND tỉnh, Sở Nội vụ báo cáo theo quy định./.

*Nơi nhận:*

- Sở Tư pháp;
- Lưu: VT, XDCQ&CTTN.

*Bản điện tử:*

- Giám đốc, PGĐ Nguyễn Trọng Nam.



Số: 68/BC- HĐND

Bắc Giang, ngày 02 tháng 7 năm 2018

### BÁO CÁO

**Thẩm tra dự thảo Nghị quyết quy định chức danh, số lượng, một số chế độ, chính sách đối với những người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn và ở thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Bắc Giang**  
*(Trình kỳ họp thứ 5, HĐND tỉnh khóa XVIII)*

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015;

Thực hiện Thông báo số 12/TB-HĐND ngày 04/6/2018 của Thường trực HĐND tỉnh “Phân công thẩm tra các nội dung trình kỳ họp thứ 5, HĐND tỉnh khóa XVIII, nhiệm kỳ 2016-2021”, Ban pháp chế HĐND tỉnh đã tiến hành thẩm tra dự thảo Nghị quyết quy định chức danh, số lượng, một số chế độ, chính sách đối với những người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn và ở thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ, tờ trình, dự thảo Nghị quyết do UBND tỉnh xây dựng và các văn bản pháp luật có liên quan, Ban pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh báo cáo kết quả thẩm tra như sau:

#### 1. Sự cần thiết ban hành Nghị quyết:

Chính sách đối với những người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn và thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Bắc Giang đã được thực hiện từ năm 2010 và sửa đổi, bổ sung năm 2013. Trong những năm qua, việc thực hiện chính sách đã phát huy hiệu quả, đội ngũ những người hoạt động không chuyên trách đã góp phần đáng kể vào việc thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương.

Tuy nhiên, trong quá trình hoạt động, cũng việc thực hiện chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách cho thấy còn không ít điểm hạn chế, bất cập như: Số lượng những người hoạt động không chuyên trách còn nhiều; chất lượng, hiệu quả hoạt động chưa cao; mức phụ cấp, thù lao của một số chức danh còn thấp, chế độ kiêm nhiệm chưa phù hợp, chưa tạo động lực cần thiết để khuyến khích người hoạt động không chuyên trách phát huy hết năng lực, trách nhiệm trong thực hiện công việc được giao...

Để khắc phục những hạn chế nêu trên; đồng thời cụ thể hóa chủ trương của Nghị quyết Trung ương 6 (khóa XII) “Một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả” và Kế hoạch số 47-KH/TU ngày 30/5/2018 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về thực hiện

Nghị quyết Trung ương 6, việc HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết “Quy định chức danh, số lượng, một số chế độ, chính sách đối với những người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn và ở thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Bắc Giang” là cần thiết. Ban pháp chế nhất trí với đề nghị của UBND tỉnh trình HĐND tỉnh xem xét thông qua Nghị quyết.

## **2. Trình tự, thủ tục xây dựng dự thảo Nghị quyết**

Qua thẩm tra cho thấy, dự thảo Nghị quyết quy định chức danh, số lượng, một số chế độ, chính sách đối với những người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn và ở thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Bắc Giang được xây dựng theo trình tự, thủ tục quy định của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 và Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015, cụ thể:

- Đề nghị xây dựng nghị quyết được Thường trực HĐND tỉnh nhất trí tại Công văn số 349/HĐND-TH ngày 08/6/2018;

- Cơ quan chủ trì soạn thảo (Sở Nội vụ) tiến hành xây dựng dự thảo Nghị quyết đã tiến hành lấy ý kiến của các cơ quan, địa phương; được Sở Tư pháp thẩm định theo quy định;

- Dự thảo Nghị quyết đã trình UBND tỉnh xem xét, thông qua trước khi gửi Ban pháp chế thẩm tra; Hồ sơ trình thẩm tra đầy đủ và được gửi đúng thời gian theo quy định.

## **3. Nội dung, thể thức dự thảo Nghị quyết**

Nội dung dự thảo Nghị quyết được xây dựng đúng đường lối, chủ trương của Đảng, không trái Hiến pháp, pháp luật và văn bản của Trung ương, phù hợp với tình hình của địa phương. Thể thức dự thảo Nghị quyết được trình bày cơ bản đúng quy định của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ “Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật”.

Tuy nhiên, qua thẩm tra Ban pháp chế đề nghị UBND tỉnh xem xét, điều chỉnh, bổ sung một số nội dung sau:

### **\* Về thể thức và kỹ thuật trình bày:**

Đề nghị rà soát lại, chỉnh sửa phần căn cứ ban hành nghị quyết, thứ tự các điểm trong các điều, khoản và vị trí đánh số trang theo đúng quy định tại Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ “Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản QPPL”.

### **\* Về nội dung:**

- Bổ sung thêm nhiệm vụ chi của ngân sách cấp xã vào Điều 6 của dự thảo Nghị quyết để rõ ràng hơn và thống nhất với Nghị quyết số 31/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của HĐND tỉnh ban hành quy định phân cấp ngân sách các cấp chính quyền địa phương tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2017- 2020;



- Không quy định cụ thể về định hướng bố trí các chức danh kiêm nhiệm trong Nghị quyết, nội dung này giao cho UBND tỉnh hướng dẫn thực hiện để đảm bảo sự linh hoạt, đúng với khoản 4 Điều 11 Nghị định số 92/2009/NĐ-CP của Chính phủ và phù hợp với tình hình, đặc điểm của các địa phương;

- Ngoài ra, các đại biểu dự họp kiến nghị sử dụng câu từ đảm bảo thống nhất trong Nghị quyết cũng như diễn đạt cần rõ ràng dễ hiểu hơn.

Trên đây là Báo cáo thẩm tra dự thảo Nghị quyết quy định chức danh, số lượng, một số chế độ, chính sách đối với những người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn và ở thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.

Ban pháp chế trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

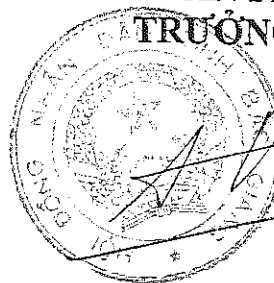
**Nơi nhận:**

- Lưu: VT.

**Bản điện tử:**

- Thường trực HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- Các ban của HĐND tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh;
- Lãnh đạo, chuyên viên.

**TM. BAN PHÁP CHẾ  
TRƯỞNG BAN**



**Vũ Mạnh Hùng**

